

Số: /KH-UBND

Đồng Nai, ngày tháng 11 năm 2025

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025
của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh**

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030; thực hiện Văn bản số 2350/BDTTG-VPQGDTTG ngày 19/10/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc tổ chức triển khai Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ;

Tiếp theo Văn bản số 7604/UBND-KGVX ngày 16/10/2025 của UBND tỉnh về việc rà soát, chuẩn bị tài liệu, số liệu phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030; UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện rà soát, xác định thôn, ấp, sóc, khu dân cư, khu phố và tương đương (sau đây gọi chung là thôn); xã, phường (sau đây gọi chung là xã) vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thôn, xã, tỉnh miền núi.

b) Thực hiện phân định thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây gọi là thôn đặc biệt khó khăn).

c) Thực hiện phân định xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển (sau đây gọi chung là xã), gồm xã khu vực I, khu vực II và khu vực III.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai thực hiện đảm bảo khách quan, chính xác, công khai, minh bạch, bảo đảm đúng thực tiễn, phù hợp với đặc thù tình hình của địa phương.

b) Dựa trên số liệu chính thức, được cập nhật theo thời điểm quy định, có cơ sở pháp lý rõ ràng và được thẩm định của cơ quan có thẩm quyền.

c) Xác định, phân định theo nguyên tắc kết hợp cả tỷ lệ tương đối và giá trị tuyệt đối, gắn với điều kiện địa lý tự nhiên, hạ tầng, mức độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

d) Chỉ xác định, phân định lại khi có sự thay đổi địa giới của thôn, xã

được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Bảo đảm nguyên tắc kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm trong quá trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt và thực hiện xác định, phân định.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thôn, xã miền núi; thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Cơ quan, tổ chức có liên quan.

III. TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Tiêu chí xác định thôn, xã, tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số

a) Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số là thôn có từ 15% người dân tộc thiểu số trở lên sinh sống ổn định thành cộng đồng.

b) Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số là xã đáp ứng ít nhất 01 trong 02 tiêu chí sau đây:

- Có từ 15% người dân tộc thiểu số trở lên sinh sống ổn định.
- Có từ 4.500 người dân tộc thiểu số trở lên sinh sống ổn định.

c) Tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số là tỉnh đáp ứng ít nhất 01 trong 02 tiêu chí sau đây:

- Có từ 15% người dân tộc thiểu số trở lên sinh sống ổn định.
- Có từ 2/3 số xã trở lên là xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Tiêu chí xác định thôn, xã, tỉnh miền núi

a) Thôn miền núi là thôn đáp ứng ít nhất 01 trong 02 tiêu chí sau đây:

- Có ít nhất 2/3 diện tích tự nhiên nằm ở độ cao từ 200 mét trở lên so với mực nước biển.

- Có ít nhất 2/3 diện tích tự nhiên có độ dốc địa hình từ 15% trở lên.

b) Xã miền núi là xã đáp ứng ít nhất 01 trong 02 tiêu chí sau đây:

- Có ít nhất 2/3 diện tích tự nhiên nằm ở độ cao từ 200 mét trở lên so với mực nước biển.

- Có từ 2/3 số thôn trở lên là thôn miền núi.

c) Tỉnh miền núi là tỉnh đáp ứng ít nhất 01 trong 02 tiêu chí sau đây:

- Có ít nhất 2/3 diện tích tự nhiên nằm ở độ cao từ 200 mét trở lên so với mực nước biển;

- Có từ 2/3 số xã trở lên là xã miền núi.

3. Xác định thôn, xã, tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là thôn đáp ứng ít nhất

01 trong 02 điều kiện sau đây:

- Đáp ứng quy định tại điểm a mục 1 phần III của Kế hoạch này.
- Đáp ứng quy định tại điểm a mục 2 phần III của Kế hoạch này.

b) Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là xã đáp ứng ít nhất 01 trong 02 điều kiện sau đây:

- Đáp ứng quy định tại điểm b mục 1 phần III của Kế hoạch này.
- Đáp ứng quy định tại điểm b mục 2 phần III của Kế hoạch này.

c) Tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là tỉnh đáp ứng ít nhất 01 trong 02 điều kiện sau đây:

- Đáp ứng quy định tại điểm c mục 1 phần III của Kế hoạch này.
- Đáp ứng quy định tại điểm c mục 2 phần III của Kế hoạch này.

IV. TIÊU CHÍ PHÂN ĐỊNH ĐỊA BÀN THÔN, XÃ THEO TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Tiêu chí phân định thôn đặc biệt khó khăn

Thôn đặc biệt khó khăn là thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, có ít nhất 02 trong 03 tiêu chí sau đây:

- a) Có tỷ lệ nghèo đa chiều cao gấp từ 4,0 lần trở lên so với tỷ lệ nghèo đa chiều chung của cả nước.
- b) Có dưới 60% đường thôn và đường liên thôn được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm theo tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại pháp luật đường bộ.
- c) Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện dưới 90%.

2. Tiêu chí phân định xã theo trình độ phát triển

a) Đối tượng phân định theo trình độ phát triển là xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Tiêu chí phân định xã theo trình độ phát triển:

- Có thu nhập bình quân đầu người thấp hơn 50% so với thu nhập bình quân đầu người của cả nước.
- Có tỷ lệ nghèo đa chiều cao gấp từ 2,0 lần trở lên so với tỷ lệ nghèo đa chiều chung của cả nước.
- Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện dưới 95%.
- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn dưới 30%.
- Có dưới 80% đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm theo tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại pháp luật đường bộ, hoặc đã được nhựa hóa, bê tông hóa nhưng xuống cấp nghiêm trọng, có thể gây ra tình trạng khó đi lại, mất an toàn, đặc biệt vào mùa mưa với tỷ lệ trên 50%.
- Y tế xã chưa đạt chuẩn theo bộ tiêu chí quốc gia giai đoạn đến năm 2030.

- Tỷ lệ số trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định mức độ 1 dưới 50%.

- Chưa có hoặc đã có nhà ở nội trú cho học sinh nhưng chưa đáp ứng đủ chỗ ở của học sinh (đối với Trường phổ thông dân tộc nội trú đáp ứng dưới 80%, Trường phổ thông dân tộc bán trú đáp ứng dưới 60%).

- Tỷ lệ đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu nước chủ động dưới 50%.

- Chưa có Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã hoặc Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã chưa đạt chuẩn theo quy định.

- Tỷ lệ thôn có dịch vụ truy nhập internet di động hoặc internet băng rộng cố định dưới 95%.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh dưới 50%.

c) Phân định xã theo trình độ phát triển (xã khu vực I, khu vực II, khu vực III):

- Xã khu vực I (xã đang phát triển) là xã đáp ứng dưới 03 tiêu chí theo quy định tại điểm b khoản 2 phần IV của Kế hoạch này.

- Xã khu vực II (xã khó khăn) là xã có từ 03 đến 05 tiêu chí theo quy định tại điểm b, khoản 2, phần IV của Kế hoạch này.

- Xã khu vực III (xã đặc biệt khó khăn) là xã có một trong hai trường hợp sau: Có từ 06 tiêu chí trở lên theo quy định tại điểm b khoản 2 phần IV của Kế hoạch này; hoặc có từ 03 tiêu chí trở lên theo quy định tại điểm b khoản 2 phần IV của Kế hoạch này và đồng thời có từ 50% số thôn trở lên của xã được phân định là thôn đặc biệt khó khăn theo quy định tại khoản 1 phần IV của Kế hoạch này.

V. THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT, QUY TRÌNH THỰC HIỆN XÁC ĐỊNH THÔN, XÃ, TỈNH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI; PHÂN ĐỊNH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN; XÃ KHU VỰC I, KHU VỰC II, KHU VỰC III

1. Thẩm quyền phê duyệt

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Tổ chức thẩm định và phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh.

2. Quy trình thực hiện

a) Cấp xã (Ủy ban nhân dân cấp xã):

- Bước 1: Căn cứ các tiêu chí quy định tại khoản 1, 2 và 3 phần III của Kế hoạch này để xác định thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Bước 2: Sau khi xác định được thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ tiêu chí quy định tại khoản 1 và 2 phần IV của Kế hoạch này để phân định thôn đặc biệt khó khăn; xã khu vực I, II, III.

- Bước 3: Lập báo cáo kết quả xác định, phân định gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Dân tộc và Tôn giáo) trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày Kế hoạch này ban hành.

b) Cấp tỉnh:

- Bước 1: Ban hành Kế hoạch chỉ đạo tổ chức rà soát, thẩm định kết quả xác định thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, kết quả phân định thôn đặc biệt khó khăn và xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh.

- Bước 2: Căn cứ tiêu chí quy định tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 và điểm c khoản 3 phần III của Kế hoạch này để xác định tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Bước 3: Sau khi có kết quả xác định, phân định, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh.

- Bước 4: Lập báo cáo kết quả xác định, phân định gửi Bộ Dân tộc và Tôn giáo **trước ngày 25/12/2025**.

3. Hồ sơ báo cáo kết quả xác định, phân định

a) Hồ sơ cấp xã gửi cấp tỉnh:

Gồm: 01 hồ sơ điện tử và 01 hồ sơ giấy, mỗi bộ gồm:

- Các biểu xác định về mức độ đạt hoặc không đạt của các tiêu chí quy định tại khoản 1, 2, 3 phần III và khoản 1, 2 phần IV của Kế hoạch này (tổng hợp các phụ lục theo Mẫu số 1, 2, 4, 5, 6 ban hành kèm theo Kế hoạch này).

- Báo cáo tự đánh giá của thôn, xã về mức độ đạt hoặc không đạt các tiêu chí quy định tại khoản 1, 2, 3 phần III và khoản 1, 2 phần IV của Kế hoạch này.

b) Hồ sơ cấp tỉnh gửi Bộ Dân tộc và Tôn giáo:

Gồm: 01 hồ sơ điện tử và 01 hồ sơ giấy, mỗi bộ gồm:

- Báo cáo kết quả và danh sách chi tiết xác định, phân định các thôn, xã, tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn; xã khu vực I, II, III (tổng hợp các phụ lục theo Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05 ban hành kèm theo Kế hoạch này).

- Quyết định phê duyệt kết quả xác định tỷ lệ nghèo đa chiều của cấp có thẩm quyền đối với các xã, thôn.

- Số liệu về dân số và số liệu, tài liệu của thôn, xã có liên quan đến các tiêu chí quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7 và 8 Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ.

- Báo cáo thẩm định của cơ quan có thẩm quyền về kết quả xác định thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, kết quả phân định thôn đặc biệt khó khăn và xã khu vực I, II, III.

- Quyết định phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và

miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III (tổng hợp các phụ lục theo Mẫu số 06, 07 ban hành kèm theo Kế hoạch này).

- Báo cáo đánh giá, xác định tỉnh là tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4. Trường hợp hồ sơ, tài liệu chưa đảm bảo quy định, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, cơ quan nhận hồ sơ phải có văn bản trả lời và hướng dẫn để địa phương biết, thực hiện.

5. Số liệu xác định các tiêu chí: Số liệu để xác định các tiêu chí được lấy tại thời điểm 31 tháng 12 của năm 2024.

6. Trường hợp điều chỉnh: Khi có sự chia tách, sáp nhập thôn, xã hoặc yêu cầu của cấp có thẩm quyền, việc rà soát, xác định và phân định được thực hiện theo quy định. Số liệu để xác định các tiêu chí được sử dụng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm liền kề trước năm thực hiện rà soát.

7. Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và cơ sở dữ liệu số trong công tác xác định, phân định và cập nhật biến động trên địa bàn; đồng thời đảm bảo xây dựng, cập nhật, kết nối và chia sẻ dữ liệu một cách đồng bộ, thống nhất với hệ thống thông tin quốc gia, nhằm phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước và xây dựng chính sách trên địa bàn.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí tổ chức thực hiện và lập hồ sơ xác định, phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

VII. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Thành lập Tổ tham mưu xác định, phân định các thôn, xã, tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn; xã khu vực I, khu vực II, khu vực III trên địa bàn tỉnh

a) Thành phần gồm:

- Tổ Trưởng: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Trường Sơn.

- Tổ phó: Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo.

- Thành viên: Đại diện Lãnh đạo các Sở, ngành: Văn phòng UBND tỉnh, Dân tộc và Tôn giáo, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Thống kê tỉnh.

b) Giao Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập.

2. Giao nhiệm vụ triển khai thực hiện của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

a) Sở Dân tộc và Tôn giáo: Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, phường căn cứ hướng dẫn của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, tham

mưu UBND tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện việc xác định địa bàn xã, thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phân định thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh theo quy định.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, hướng dẫn rà soát các tiêu chí về:

- Phân định xã, thôn miền núi: Tỷ lệ diện tích tự nhiên nằm ở độ cao từ 200 mét trở lên so với mực nước biển; tỷ lệ diện tích tự nhiên có độ dốc địa hình từ 15% trở lên.

- Phân định thôn đặc biệt khó khăn: Tỷ lệ nghèo đa chiều so với tỷ lệ nghèo đa chiều chung của cả nước.

- Phân định xã theo trình độ phát triển: Tỷ lệ nghèo đa chiều so với tỷ lệ nghèo đa chiều chung của cả nước; tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; tỷ lệ đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu nước chủ động và tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh.

c) Sở Công Thương chủ trì, hướng dẫn rà soát các tiêu chí về:

- Phân định thôn đặc biệt khó khăn: Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện.

- Phân định xã theo trình độ phát triển: Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện.

d) Sở Xây dựng chủ trì, hướng dẫn rà soát các tiêu chí về:

- Phân định thôn đặc biệt khó khăn: Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm theo tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại pháp luật đường bộ.

- Phân định xã theo trình độ phát triển: Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm theo tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại pháp luật đường bộ, hoặc tỷ lệ đã được nhựa hóa, bê tông hóa nhưng xuống cấp nghiêm trọng, có thể gây ra tình trạng khó đi lại, mất an toàn, đặc biệt vào mùa mưa.

đ) Sở Y tế chủ trì, hướng dẫn rà soát các tiêu chí về phân định xã theo trình độ phát triển: Y tế xã chưa đạt chuẩn theo bộ tiêu chí quốc gia giai đoạn đến năm 2030.

e) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, hướng dẫn rà soát các tiêu chí về phân định xã theo trình độ phát triển: Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định mức độ 1; tỷ lệ về chưa có hoặc đã có nhà ở nội trú cho học sinh nhưng chưa đáp ứng đủ chỗ ở của học sinh (đối với Trường phổ thông dân tộc nội trú, Trường phổ thông dân tộc bán trú).

g) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, hướng dẫn rà soát các tiêu chí

về phân định xã theo trình độ phát triển: Chưa có Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã hoặc Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã chưa đạt chuẩn theo quy định.

h) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, hướng dẫn rà soát các tiêu chí về phân định xã theo trình độ phát triển: Tỷ lệ thôn có dịch vụ truy nhập internet di động hoặc internet băng rộng cố định.

i) Sở Tài chính: Phối hợp với các cơ quan, đơn vị hướng dẫn chế độ kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

k) Thống kê tỉnh Đồng Nai phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn rà soát các tiêu chí thống kê về:

- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số sinh sống ổn định trên địa bàn tỉnh.
- Tỷ lệ diện tích tự nhiên nằm ở độ cao từ 200 mét trở lên so với mực nước biển của tỉnh.
- Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/năm).

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Là đơn vị trực tiếp, toàn diện và chịu trách nhiệm về kết quả triển khai thực hiện xác định thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phân định thôn đặc biệt khó khăn; xã thuộc khu vực I, II, III tại địa phương. Căn cứ các tiêu chí quy định, hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, UBND tỉnh và các Sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện rà soát, xác định thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn; xã thuộc khu vực I, II, III theo quy định.

b) Lập báo cáo kết quả xác định, phân định thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn; xã thuộc khu vực I, II, III.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị, địa phương tại Phần VII Kế hoạch;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh (KGVX);
- Lưu: VT, KGVX (N).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Trường Sơn